

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/5/2023  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thuý Lan và ông Trần Ngọc Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2023/TLST – HNGĐ ngày 07/03/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Tô Thanh T, sinh năm 1996; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Trịnh Quốc H, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Tô Thanh T trình bày:**

**1.1. Về hôn nhân:** Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trịnh Quốc H vào ngày 28/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ ngoại tình. Khi chị biết anh H có quan hệ ngoại tình nên hai vợ chồng đã xảy ra cãi chửi

đánh nhau. Đến ngày 08/5/2021 anh H về quê ở xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam chịu tang bố đẻ nhưng sau đó không quay về chung sống cùng chị. Chị nói chuyện với anh H qua điện thoại để khuyên bảo anh H về chung sống nhưng anh H không nghe; vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau trên điện thoại. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh H để sớm ổn định cuộc sống.

**1.2. Về con chung:** Chị và anh H có 01 con chung là cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 28/11/2019. Hiện cháu ở với chị; cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường.

Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Th vì cháu còn nhỏ. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Th cùng chị.

Chị xác định chị làm nghề tự do nên không có tài liệu chứng minh mức thu nhập để giao nộp cho Toà án nhưng chị xác định thu nhập bình quân của chị khoảng từ 08 đến 10 triệu đồng một tháng.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

**1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T trình bày, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; đồng thời đang một mình nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị không có điều kiện tham gia phiên toà xét xử việc chị kiện ly hôn anh H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị theo quy định; mọi quan điểm về vụ án chị giữ nguyên như đã trình bày với Tòa án.

**[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trịnh Quốc H trình bày:**

**1.1. Về hôn nhân:** Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Tô Thanh T vào ngày 28/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa để làm ăn được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vùng miền không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau từ việc nhỏ hàng ngày đến công việc làm ăn. Tháng 05/2021 bố anh mất, anh về quê chịu tang một thời gian thì chị T gọi điện giục anh vào, anh không vào thì chị T có những lời nói xúc phạm anh, gia đình anh và cả đến bố anh mới mất; từ đó vợ chồng

sống ly thân. Đến đầu năm 2022 anh liên lạc với chị T để làm thủ tục ly hôn thì chị T không hợp tác nên không làm được.

Nay chị T kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không có khả năng đoàn tụ nhưng anh không đồng ý ly hôn vì những gì chị T đã gây ra cho anh.

**1.2. Về con chung:** Anh và chị T có 01 con chung là cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 28/11/2019. Hiện cháu ở với chị T.

Nếu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn, anh đề nghị tiếp tục giao cháu Th cho chị T nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị T vì anh không có điều kiện.

**1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Nếu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:**

\* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tô Thanh T với anh Trịnh Quốc H. Xử cho chị Tô Thanh T ly hôn anh Trịnh Quốc H.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 28/11/2019 cho chị Tô Thanh T nuôi dưỡng.

Anh Trịnh Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị T.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tô Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**I. Về tố tụng:** Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn - anh Trịnh Quốc H đăng ký thường trú và cư trú tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## II. Về giải quyết vụ án:

**[1] Về hôn nhân:** Chị Tô Thanh T và anh Trịnh Quốc H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào 28/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không biết động viên, chia sẻ, bảo ban nhau vượt qua khó khăn trong cuộc sống; ai cũng giữ cái tôi của mình; khi xa nhau thì có những việc làm để người kia nghi ngờ có quan hệ bất chính và có những lời nói làm tổn thương, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H căng thẳng nhất từ tháng 5/2021 khi anh H về quê chịu tang bố; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân anh H đã xác định anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T và hai người không còn khả năng quay về đoàn tụ; trên thực tế anh chị đã chấm dứt cuộc sống chung của vợ chồng từ tháng 05/2021 đến nay. Việc anh H không đồng ý ly hôn chỉ là nhằm gây khó khăn cho chị T để thỏa mãn bực tức của anh H đối với chị T. Do vậy Hội đồng xét xử xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2] Về con chung:** Chị Tô Thanh T và anh Trịnh Quốc H có 01 con chung là cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 28/11/2019; hiện cháu ở với chị T.

Xét cháu Th còn nhỏ tuổi và đang ở với chị T do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T và anh H; giao cháu Th cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; xét việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Th là tự nguyện và phù hợp với khả năng kinh tế của chị T do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T.

**[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng(công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Do chị T và anh H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này chị T, anh H xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4] Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm, chị T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

**1.** Xử cho chị Tô Thanh T ly hôn anh Trịnh Quốc H.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trịnh Anh Th, sinh ngày 28/11/2019 cho chị Tô Thanh T nuôi dưỡng.

Anh Trịnh Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị T.

Chị T và các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th.

**3.** Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tô Thanh T phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000491 ngày 07/3/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp. (*Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Báo cho anh H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã D; huyện D, tỉnh Khánh

Hoà;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đặng Trần Anh Dũng**  
**(đã ký)**